

Tam Đảo, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện T.

Người được ủy quyền lại: Ông Hà Văn C, sinh năm 1990; Giám đốc phòng G1 - Ngân hàng N, chi nhánh huyện T.

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1998;

1.2.2. Ông Trần Tiến K, sinh năm 1975;

1.2.3. Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1979;

1.2.4. Anh Trần Minh P, sinh năm 2003;

1.2.5. Anh Trần Duy Đ, sinh năm 2005;

1.2.6. Ông Trần Tiến S, sinh năm 1973;

1.2.7. Bà Đặng Thị Cát G, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

1.2.8. Chị Trần Thị Như Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà L, anh P, anh Đ, ông S, bà G, chị Q: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đồng Cà, xã Yên Dương, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 14/8/2024, ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q còn nợ Ngân hàng N số tiền là 1.525.130.794đồng. Trong đó số tiền gốc: 1.290.000.000đồng; tiền lãi: 235.130.794đồng (Lãi trong hạn: 186.603.287đồng; lãi quá hạn: 48.527.507đồng), Theo Hợp đồng tín dụng số 2809LAV202200626 ngày 05/4/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, phòng G1.

2.2. Các đương sự cùng thỏa thuận ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ khoản nợ trên theo lịch trình như sau:

- Ngày 20/8/2024 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/9/2024 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/10/2024 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/11/2024 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/12/2024 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/01/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/02/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/3/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/4/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/5/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/6/2025 trả 40.000.000đồng tiền gốc;
- Ngày 20/7/2025 trả 1.085.130.794đồng (trong đó: Nợ gốc là 850.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 186.603.287đồng; nợ lãi quá hạn 48.527.507đồng cùng các khoản lãi phát sinh từ ngày 15/8/2024 của Hợp đồng tín dụng số 2809LAV202200626 ngày 05/4/2022.

2.3. Trường hợp ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào của lịch trình nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích 2.272,9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 279; tờ bản đồ số 38 tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL 315144 ngày 28/3/2018; số vào sổ cấp GCN: CS02049 đứng tên ông Trần Tiến K.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 243m<sup>2</sup> thửa đất số 305, tờ bản đồ số 38 tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 410177 ngày 31/3/2017, đứng tên hộ ông Trần Tiến K.

Nếu số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q vẫn phải trả tiếp cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 2809LAV202200626 ngày 05/4/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T - Phòng giao dịch Đ với ông Trần Tiến K.

2.4. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N chịu 12.800.000đồng (đã nộp).

2.5. Về án phí: Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 28.705.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001739 ngày 27/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.876.961đồng (làm tròn 28.876.000đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật nếu Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q chưa thanh toán được số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Trần Tiến K, bà Lê Thị Kim L, anh Trần Minh P, anh Trần Duy Đ, ông Trần Tiến S, bà Đặng Thị Cát G, anh Trần Tuấn A, chị Trần Thị Như Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

**THẨM PHÁN**

**ĐÃ KÝ**

**Màu Văn Mùi**